

Số: 1496/QĐ-ĐHĐN

Đồng Nai, ngày 05 tháng 11 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập
Đại học khóa 06, 07, 08 và Cao đẳng khóa 42, 43 - Học kỳ II
Năm học 2018 - 2019**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 28/VBHN-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc tỉnh trực tiếp quản lý từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021;

Căn cứ Công văn số 1070/ĐHĐN ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai về “Chế độ học bổng và trợ cấp xã hội cho sinh viên trường Đại học Đồng Nai”;

Theo đề nghị của phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

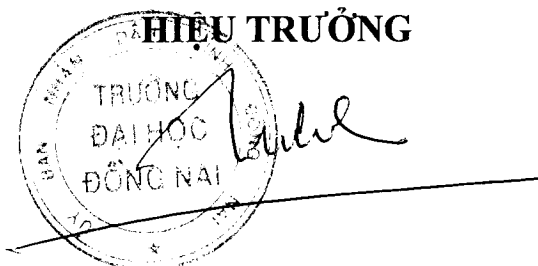
Điều 1. Nay cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2018 - 2019 cho: **307** sinh viên các lớp **Đại học khóa 06, 07, 08 và Cao đẳng khóa 42, 43.** (danh sách đính kèm)

Điều 2. Sinh viên có tên ở Điều 1 được hưởng học bổng khuyến khích học tập theo qui định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các đơn vị trực thuộc và những sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Như Điều 3 để thực hiện;
- Lưu: VT, CTSV.



DANH SÁCH XẾP LOẠI HỌC BỔNG HỌC KỲ II – NĂM HỌC 2018-2019

Hệ Đại học Khóa 06, 07, 08 và Cao đẳng khóa 42, 43
(Kèm theo Quyết định số 1496/QĐ-ĐHĐN ngày 05/11/2019)

STT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Điểm Học tập	Điểm Rèn luyện	Xếp Loại Học Bổng
1	2117180015	Lê Thị	Hoa	04/06/1999	CD42NTA1	2,8	88	Khá
2	2117180029	Trần Hồng	Ngọc	08/10/1999	CD42NTA1	3,15	88	Khá
3	2117180039	Huỳnh Nguyễn Mai	Phương	30/09/1999	CD42NTA1	2,95	90	Khá
4	2117120066	Nguyễn Quốc	Thanh	08/02/1999	CD42STAB	2,75	85	Khá
5	2117120094	Trần Thị Bích	Vy	10/03/1999	CD42STAB	2,85	83	Khá
6	2118180003	Hoàng Quế	Anh	17/06/2000	CD43NTAA	2,6	76	Khá
7	2118180033	Hoàng Thị Kim	Liên	26/02/2000	CD43NTAA	3,45	83	Giỏi
8	2118180082	Trần Ngô Thanh	Vân	26/03/1997	CD43NTAA	3,55	92	Giỏi
9	2118180085	Phạm Phú Khánh	Vy	17/04/1999	CD43NTAA	2,95	89	Khá
10	2118180067	Lê Thị Thanh	Thảo	09/09/2000	CD43NTAB	3,2	96	Giỏi
11	2118180080	Nguyễn Nữ Cát	Trình	26/12/2000	CD43NTAB	2,95	80	Khá
12	2118120006	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	08/05/2000	CD43STA1	3,0	82	Khá
13	2118120012	Hoàng Nguyễn Đăng	Khoa	28/10/2000	CD43STA1	2,84	87	Khá
14	2118120021	Nguyễn Trọng	Quán	02/04/1998	CD43STA1	3,11	81	Khá
15	1164030010	Phạm Tấn	Bửu	14/03/1996	DH06NNAA	3,0	90	Khá
16	1164030011	Tổng Học	Cầm	18/08/1998	DH06NNAA	3,11	81	Khá
17	1164030031	Trần Thị Ngọc	Huyền	20/09/1998	DH06NNAA	3,0	87	Khá
18	1164030045	Nguyễn Thị Yên	Nhi	14/11/1998	DH06NNAB	3,0	83	Khá
19	1164030052	Bùi Thị Bích	Phượng	25/10/1998	DH06NNAB	3,11	83	Khá
20	1164030053	Nguyễn Đình Thanh	Phượng	08/01/1998	DH06NNAB	3,0	83	Khá
21	1164030062	Võ Diễm	Sương	31/03/1998	DH06NNAB	3,0	85	Khá
22	1164030064	Đào Ngọc Đan	Thanh	23/03/1998	DH06NNAB	3,0	83	Khá
23	1164030116	Nguyễn Trần Nhật	Tân	19/04/1998	DH06NNAC	3,0	90	Khá

STT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Điểm Học tập	Điểm Rèn luyện	Xếp Loại Học Bổng
24	1161120014	Trần Xuân	Đạo	19/02/1995	DH06STAA	3,63	96	Xuất sắc
25	1161120019	Châu Trần Khánh	Duy	02/09/1995	DH06STAA	3,38	83	Giỏi
26	1161120028	Cao Thị Mỹ	Hạnh	20/06/1998	DH06STAA	3,5	90	Giỏi
27	1161120029	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	15/07/1998	DH06STAA	3,63	96	Xuất sắc
28	1161120034	Phạm Thị Thu	Hương	30/03/1998	DH06STAA	3,75	97	Xuất sắc
29	1161120063	Trần Thị Hương	Quỳnh	02/11/1998	DH06STAB	3,25	83	Giỏi
30	1161120065	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/12/1998	DH06STAB	3,25	85	Giỏi
31	1161120074	Trần Thị Thanh	Thủy	29/09/1998	DH06STAB	3,63	83	Giỏi
32	1174030035	Vũ Thị Diễm	Diễm	01/04/1999	DH07NNAA	3,6	93	Xuất sắc
33	1174030063	Trần Thị Thúy	Hằng	23/04/1999	DH07NNAA	3,07	78	Khá
34	1174030203	Đinh Thị Vĩnh	Tâm	30/07/1999	DH07NNAA	3,07	87	Khá
35	1174030059	Nguyễn Trần Gia	Hân	08/08/1999	DH07NNAB	3,33	83	Giỏi
36	1174030167	Ngô Thị Huỳnh	Như	13/11/1999	DH07NNAB	3,47	92	Giỏi
37	1174030175	Vũ Thụy Hoàng	Oanh	02/10/1999	DH07NNAB	3,27	85	Giỏi
38	1174030210	Tổng Thị Thu	Thảo	28/05/1999	DH07NNAB	3,07	83	Khá
39	1174030244	Đặng Minh Thùy	Trang	05/01/1999	DH07NNAB	3,4	92	Giỏi
40	1174030007	Trần Ngọc Phương	Anh	29/09/1999	DH07NNAC	3,13	76	Khá
41	1174030168	Phan Ngọc Lan	Như	28/10/1999	DH07NNAC	3,27	90	Giỏi
42	1174030174	Lê Thị Quý	Nương	20/05/1999	DH07NNAC	3,13	73	Khá
43	1174030212	Nguyễn Thị Hiền	Thảo	29/08/1999	DH07NNAC	3,27	79	Khá
44	1174030282	Nguyễn Hoàng Hải	Yến	23/10/1999	DH07NNAC	3,13	78	Khá
45	1174030151	Đậu Thị Bảo	Ngọc	30/11/1999	DH07NNAD	3,33	86	Giỏi
46	1174030068	Đồng Như	Hảo	09/10/1999	DH07NNAE	3,33	85	Giỏi
47	1174030189	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	14/10/1999	DH07NNAE	3,07	86	Khá
48	1174030281	Bùi Nguyễn Đặng Yến	Vy	10/06/1999	DH07NNAE	3,47	85	Giỏi
49	1174030285	Lê Nguyễn Kim	Thanh	31/05/1996	DH07NNAE	3,27	83	Giỏi
50	1171120001	Phạm Tường Thu	An	18/04/1999	DH07STAA	2,75	92	Khá
51	1171120004	Trần Thị Trúc	Anh	03/05/1999	DH07STAA	2,8	83	Khá
52	1171120037	Nguyễn Ngọc Bích	Hương	24/11/1999	DH07STAA	3,7	94	Xuất sắc
53	1171120054	Nguyễn Phương	Linh	30/04/1999	DH07STAA	2,95	93	Khá
54	1171120073	Hoàng Như	Ngọc	02/05/1999	DH07STAA	3,3	97	Giỏi

STT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Điểm Học tập	Điểm Rèn luyện	Xếp Loại Học Bổng
55	1171120156	Hứa Huy	Tùng	04/11/1999	DH07STAA	2,85	81	Khá
56	1171120040	Bùi Xuân Nhật	Hương	14/05/1999	DH07STAB	3,15	80	Khá
57	1171120120	Dương Lê	Thu	01/01/1999	DH07STAB	2,8	89	Khá
58	1171120133	Lê Duy	Tính	25/09/1999	DH07STAB	3,35	91	Giỏi
59	1171120008	Vũ Huỳnh Khương	Anh	25/10/1995	DH07STAC	3,0	86	Khá
60	1171120108	Nguyễn Thị Phương	Thanh	04/04/1999	DH07STAC	3,0	93	Khá
61	1171120141	Đào Nguyễn Thùy	Trang	23/11/1999	DH07STAC	2,8	81	Khá
62	1184030169	Đào Gia	Như	06/09/2000	DH08NNAA	2,56	81	Khá
63	1184030181	Nguyễn Hoàng	Phúc	16/02/2000	DH08NNAA	2,72	95	Khá
64	1184030193	Lê Hà Như	Quỳnh	01/12/2000	DH08NNAA	3,39	82	Giỏi
65	1184030283	Nguyễn Lê	Văn	07/05/2000	DH08NNAA	2,56	81	Khá
66	1184030002	Bùi Thị Thúy	An	20/09/2000	DH08NNAB	2,67	75	Khá
67	1184030038	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/10/2000	DH08NNAB	2,72	85	Khá
68	1184030086	Nguyễn Hoàng Như	Huyền	15/06/2000	DH08NNAB	2,83	81	Khá
69	1184030218	Vũ Thị Phương	Thảo	23/08/2000	DH08NNAB	2,89	78	Khá
70	1184030248	Vũ Hoàng Thanh	Trang	01/09/2000	DH08NNAB	2,78	73	Khá
71	1184030075	Hồ Thị	Hoa	09/02/2000	DH08NNAC	2,56	90	Khá
72	1184030093	Lương Hoàng	Kim	28/07/2000	DH08NNAC	2,61	81	Khá
73	1184030117	Trương Khánh	Ly	12/11/2000	DH08NNAC	2,78	93	Khá
74	1184030147	Vòng Thái Lan	Nhi	24/09/2000	DH08NNAC	2,72	69	Khá
75	1184030261	Lê Ngọc	Trâm	02/04/2000	DH08NNAC	3,28	73	Khá
76	1184030112	Nguyễn Thành	Long	15/11/2000	DH08NNAD	2,89	86	Khá
77	1184030148	Đinh Ngọc Yên	Nhi	03/11/2000	DH08NNAD	2,83	89	Khá
78	1184030166	Cao Hồng	Nhung	28/03/2000	DH08NNAD	2,61	82	Khá
79	1184030184	Hoàng Ngọc	Phương	01/10/2000	DH08NNAD	3,0	86	Khá
80	1184030280	Nguyễn Đức Hoàng Phương	Uyên	11/11/2000	DH08NNAD	2,56	89	Khá
81	1184030083	Huỳnh Gia	Huy	08/10/2000	DH08NNAE	2,61	75	Khá
82	1184030131	Mai Tuyết	Ngân	21/05/2000	DH08NNAE	3,39	73	Khá
83	1184030305	Phạm Thành	Ý	02/08/2000	DH08NNAE	2,56	83	Khá
84	1184030006	Nguyễn Ngọc Xuân	Anh	05/02/2000	DH08NNAF	2,72	82	Khá
85	1184030072	Nguyễn Ngọc Thảo	Hiền	06/01/2000	DH08NNAF	2,78	83	Khá

STT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Điểm Học tập	Điểm Rèn luyện	Xếp Loại Học Bổng
86	1184030084	Huỳnh Phát	Huy	08/02/2000	DH08NNAF	2,67	85	Khá
87	1184030310	Đinh Thị Ngọc	Hiên	01/03/1998	DH08NNAF	3,0	85	Khá
88	1181120001	Trần Thị Trâm	Anh	04/07/2000	DH08STAA	3,41	90	Giỏi
89	1181120015	Trương Thị Quỳnh	Giang	23/02/2000	DH08STAA	3,32	76	Khá
90	1181120031	Nguyễn Quang	Huỳnh	20/08/2000	DH08STAA	3,41	87	Giỏi
91	1181120040	Hoàng Công	Minh	23/10/2000	DH08STAB	3,27	83	Giỏi
92	1181120046	Hoàng Ngọc	Nga	19/05/2000	DH08STAB	3,36	86	Giỏi
93	1181120068	Trần Thị Phương	Thảo	24/12/2000	DH08STAB	3,55	86	Giỏi
94	1181120084	Huỳnh Nguyễn Phương	Uyên	21/03/2000	DH08STAB	3,45	83	Giỏi
95	2117310005	Nguyễn Phúc	Hung	27/03/1997	CD42NDDT	2,81	80	Khá
96	2117100001	Vũ Xuân	Bình	11/03/1999	CD42SDI1	3,4	94	Giỏi
97	1161060004	Đinh Vương	Bảo	30/12/1996	DH06SNV1	3,65	95	Xuất sắc
98	1161060026	Nguyễn Thị Như	Phương	21/09/1998	DH06SNV1	3,53	92	Giỏi
99	1161060037	Tạ Minh	Trúc	21/08/1998	DH06SNV1	3,65	90	Xuất sắc
100	1171060029	Hồ Thị Thanh	Loan	09/10/1999	DH07SNVA	3,59	90	Giỏi
101	1171060052	Trần Thị Phương	Thảo	04/11/1999	DH07SNVA	3,35	90	Giỏi
102	1171060085	Nguyễn Thành	Vĩnh	22/11/1999	DH07SNVA	3,35	95	Giỏi
103	1171060067	Nguyễn Thị Thùy	Trang	18/01/1999	DH07SNVB	3,06	93	Khá
104	1171060068	Trần Thị Việt	Trình	18/11/1998	DH07SNVB	3,59	88	Giỏi
105	1171080007	Lương Văn	Hiếu	16/01/1999	DH07SSU1	3,53	94	Giỏi
106	1181060004	Nguyễn Ngân Đức	Hạnh	12/08/2000	DH08SNV1	3,45	93	Giỏi
107	1181060021	Đinh Nguyễn Tuyết	Nhi	24/06/2000	DH08SNV1	3,5	95	Giỏi
108	2118190002	Nguyễn Thị Minh	Châu	13/06/2000	CD43NQVP1	3,15	83	Khá
109	2118190005	Ngô Thị	Hào	17/02/2000	CD43NQVP1	3,35	94	Giỏi
110	2117140001	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	16/11/1999	CD42SMN1	3,16	91	Khá
111	2117140013	Vũ Kim	Lan	09/07/1999	CD42SMN1	3,47	94	Giỏi
112	2117130019	Trần Thị Phương	Dung	14/09/1999	CD42STHA	3,1	82	Khá
113	2117130100	Nguyễn Thị Thu	Thảo	21/08/1994	CD42STHA	3,48	91	Giỏi
114	2117130036	Trần Gia	Hân	26/11/1999	CD42STHB	3,05	90	Khá
115	2117130041	Nguyễn Thảo	Hiên	28/10/1998	CD42STHB	3,29	97	Giỏi
116	2117130052	Nguyễn Nhã Uyên	Khanh	16/11/1999	CD42STHB	3,14	86	Khá

STT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Điểm Học tập	Điểm Rèn luyện	Xếp Loại Học Bổng
117	2117130074	Võ Thị Yến	Nhi	10/04/1998	CD42STHB	3,43	94	Giỏi
118	2117130085	Nguyễn Hoàng Thu	Phụng	29/03/1999	CD42STHB	3,19	90	Khá
119	2117130124	Trần Thị Thiên	Trang	24/02/1999	CD42STHB	3,1	89	Khá
120	2117130127	Võ Thị Xuân	Trúc	21/01/1999	CD42STHB	3,29	90	Giỏi
121	2118140017	Lữ Huyền Ngọc	Thúy	27/04/2000	CD43SMN1	2,78	82	Khá
122	2118140018	Lương Thị	Thúy	12/11/2000	CD43SMN1	2,87	83	Khá
123	2118130013	Lê Thị Thùy	Duyên	04/07/2000	CD43STHA	2,77	89	Khá
124	2118130021	Nguyễn Thị Thu	Hằng	09/10/2000	CD43STHA	3,14	91	Khá
125	2118130025	Đặng Thu	Hiên	05/08/2000	CD43STHA	2,91	89	Khá
126	2118130027	Lưu Hồng	Hòa	29/07/2000	CD43STHA	3,5	90	Giỏi
127	2118130035	Nguyễn Thị Phương	Linh	03/06/2000	CD43STHA	3,0	91	Khá
128	2118130093	Trương Thị Ngọc	Thảo	29/06/2000	CD43STHA	3,05	81	Khá
129	2118130097	Lê Thị Ngọc	Thùy	23/12/2000	CD43STHA	2,95	85	Khá
130	2118130102	Nguyễn Thị Thanh	Trà	20/12/2000	CD43STHB	3,05	85	Khá
131	2118130106	Đặng Thị Thu	Trang	09/06/2000	CD43STHB	2,91	87	Khá
132	1161050001	Nguyễn Thị Thiên	An	01/05/1997	DH06SMNA	3,44	93	Giỏi
133	1161050058	Nguyễn Thu	Oanh	11/05/1998	DH06SMNB	3,61	90	Xuất sắc
134	1161050066	Lê Thị	Sương	22/12/1996	DH06SMNB	3,44	92	Giỏi
135	1161050070	Nguyễn Thị Thu	Thảo	01/05/1997	DH06SMNB	3,33	88	Giỏi
136	1161050080	Trần Thị Thùy	Trang	02/03/1998	DH06SMNB	3,33	80	Giỏi
137	1161050083	Hồ Thị Mỹ	Trinh	25/09/1998	DH06SMNB	3,5	99	Giỏi
138	1161070012	Phạm Hà Hoài	Bắc	25/03/1998	DH06STHA	3,88	90	Xuất sắc
139	1161070021	Nguyễn Thị Trang	Em	24/02/1998	DH06STHA	3,88	90	Xuất sắc
140	1161070032	Nguyễn Thị Thanh	Hào	06/09/1998	DH06STHA	3,88	90	Xuất sắc
141	1161070038	Vũ Thị	Hoa	04/02/1992	DH06STHA	3,88	90	Xuất sắc
142	1161070040	Trần Thị Ánh	Hồng	10/01/1998	DH06STHA	3,88	90	Xuất sắc
143	1161070041	Phạm Thị Bích	Hợp	17/12/1998	DH06STHA	3,88	90	Xuất sắc
144	1161070066	Phạm Thị	Oanh	22/01/1998	DH06STHB	3,75	92	Xuất sắc
145	1161070082	Trần Thị	Thanh	25/08/1997	DH06STHB	3,75	95	Xuất sắc
146	1161070125	Vũ Thị	Linh	12/10/1998	DH06STHC	3,75	92	Xuất sắc
147	1161070158	Nguyễn Thị	Tú	20/07/1998	DH06STHC	3,88	91	Xuất sắc

STT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Điểm Học tập	Điểm Rèn luyện	Xếp Loại Học Bổng
148	1161070161	Nguyễn Đăng Tổ	Uyên	19/05/1998	DH06STHC	3,88	91	Xuất sắc
149	1161070163	Vũ Thị Thảo	Uyên	28/08/1998	DH06STHC	3,88	94	Xuất sắc
150	1161070176	Nguyễn Thị Hải	Yến	04/02/1998	DH06STHC	3,88	91	Xuất sắc
151	1171050057	Trần Ngọc Thanh	Ngân	18/09/1999	DH07SMNA	3,53	82	Giỏi
152	1171050071	Phan Nữ	Oanh	25/02/1999	DH07SMNA	3,37	83	Giỏi
153	1171050076	Nguyễn Thị Loan	Phụng	24/02/1998	DH07SMNA	3,68	89	Giỏi
154	1171050079	Trần Thị Như	Quỳnh	06/01/1998	DH07SMNA	3,42	86	Giỏi
155	1171050088	Phạm Hoàng	Thy	21/05/1999	DH07SMNA	3,68	83	Giỏi
156	1171050085	Bùi Anh	Thư	02/07/1999	DH07SMNB	3,89	93	Xuất sắc
157	1171050112	Đặng Nguyễn Thảo	Vy	08/09/1999	DH07SMNB	3,47	86	Giỏi
158	1171050116	Tô Thị Thu	Xuân	17/01/1999	DH07SMNB	3,32	92	Giỏi
159	1171070001	Nguyễn Ngọc Bình	An	29/08/1999	DH07STHA	3,72	90	Xuất sắc
160	1171070025	Nguyễn Thụy Ngọc	Diệp	28/07/1998	DH07STHA	3,61	90	Xuất sắc
161	1171070033	Trần Thị Thanh	Hà	17/12/1999	DH07STHA	3,61	90	Xuất sắc
162	1171070037	Phạm Bích	Hằng	02/01/1999	DH07STHA	3,61	90	Xuất sắc
163	1171070046	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	05/07/1999	DH07STHA	3,72	92	Xuất sắc
164	1171070055	Phạm Thị Hoàng	Lan	30/09/1999	DH07STHA	3,5	96	Giỏi
165	1171070027	Lê Thị	Dung	22/11/1999	DH07STHB	3,61	93	Xuất sắc
166	1171070071	Lê Thị Ngọc	Mai	09/11/1999	DH07STHB	3,5	92	Giỏi
167	1171070077	Hoàng Thị Bích	Ngọc	17/09/1999	DH07STHB	3,5	92	Giỏi
168	1171070137	Giang Hoàng	Trình	28/02/1999	DH07STHB	3,72	93	Xuất sắc
169	1171070012	Phạm Thị Vân	Anh	31/10/1999	DH07STHC	3,67	92	Xuất sắc
170	1171070018	Nguyễn Thị Minh	Châu	15/06/1999	DH07STHC	3,61	94	Xuất sắc
171	1171070094	Lê Thị Tuyết	Nhung	27/06/1999	DH07STHC	3,5	92	Giỏi
172	1171070103	Võ Lê Đan	Quỳnh	06/05/1999	DH07STHC	3,89	95	Xuất sắc
173	1171070112	Hoàng Thị	Thao	11/11/1999	DH07STHC	3,5	92	Giỏi
174	1171070122	Đoàn Thị Tuyết	Thuận	17/11/1999	DH07STHC	3,61	92	Xuất sắc
175	1171070167	Lê Thị Thu	Hà	01/08/1999	DH07STHD	3,83	92	Xuất sắc
176	1171070183	Nguyễn Thị Phương	Nam	08/03/1999	DH07STHD	3,67	90	Xuất sắc
177	1171070218	Trịnh Ngọc Bảo	Trân	11/08/1999	DH07STHD	3,61	92	Xuất sắc
178	1181050007	Trần Thị Ngọc	Bích	07/10/1992	DH08SMN1	3,53	91	Giỏi

STT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Điểm Học tập	Điểm Rèn luyện	Xếp Loại Học Bổng
179	1181050008	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	15/03/2000	DH08SMN1	2,94	82	Khá
180	1181050025	Nguyễn Thị Kim	Long	29/02/2000	DH08SMN1	2,82	88	Khá
181	1181050032	Phạm Thục	Như	10/01/2000	DH08SMN1	3,06	81	Khá
182	1181050046	Phạm Phương	Thảo	20/05/2000	DH08SMN1	3,18	82	Khá
183	1181070025	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	06/03/2000	DH08STHA	3,77	90	Xuất sắc
184	1181070074	Đỗ Trần Minh	Ngọc	04/06/2000	DH08STHA	3,77	90	Xuất sắc
185	1181070130	Hà Thị Huyền	Trang	16/03/2000	DH08STHA	3,64	92	Xuất sắc
186	1181070024	Lê Trương Ngọc	Giàu	20/04/2000	DH08STHB	3,73	92	Xuất sắc
187	1181070089	Lê Thị Tuyết	Nhung	08/10/2000	DH08STHB	3,77	91	Xuất sắc
188	1181070129	Phạm Thùy	Trang	10/11/2000	DH08STHB	3,68	83	Giỏi
189	1181070131	Nguyễn Huyền	Trang	12/11/2000	DH08STHB	3,82	91	Xuất sắc
190	1181070012	Huỳnh Ngọc Yến	Chi	08/11/2000	DH08STHC	3,68	95	Xuất sắc
191	1181070021	Hồ Lê Anh	Đào	19/09/2000	DH08STHC	3,68	90	Xuất sắc
192	1181070030	Lê Thị Thu	Hằng	31/03/2000	DH08STHC	3,68	93	Xuất sắc
193	1181070081	Nguyễn Vũ Linh	Nhi	17/10/2000	DH08STHC	3,86	93	Xuất sắc
194	1181070105	Trần Thị Thi	Tâm	10/11/2000	DH08STHC	3,59	95	Giỏi
195	2117240024	Lê Thế	Tuấn	07/06/1999	CD42NCNTT1	3,3	86	Giỏi
196	1161020010	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	03/02/1998	DH06SHO1	3,82	86	Giỏi
197	1161020020	Nguyễn Thị Thanh	Mai	26/01/1998	DH06SHO1	3,71	87	Giỏi
198	1161030004	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	29/09/1998	DH06SLY1	3,53	85	Giỏi
199	1161030013	Lê Thị Hương	Giang	02/01/1998	DH06SLY1	3,53	89	Giỏi
200	1161030029	Nguyễn Minh	Quân	20/11/1998	DH06SLY1	3,73	93	Xuất sắc
201	1161040017	Nguyễn Ngọc	Vinh	24/08/1998	DH06SSI1	3,61	87	Giỏi
202	1161010011	Phạm Văn	Đông	21/09/1998	DH06STOA	3,12	92	Khá
203	1161010030	Đỗ Thị	Linh	15/01/1998	DH06STOA	3,29	92	Giỏi
204	1161010037	Nguyễn Thị Thảo	Nga	04/06/1998	DH06STOA	3,35	90	Giỏi
205	1161010069	Thái Thùy	Tiên	05/06/1998	DH06STOB	3,18	88	Khá
206	1161010090	Trần Võ Mỹ	Hạnh	29/03/1998	DH06STOB	3,35	90	Giỏi
207	1171020038	Đỗ Mai Xuân	Phước	19/12/1999	DH07SHO1	2,63	86	Khá
208	1171020033	Nguyễn Thị Ánh	Minh	02/01/1999	DH07SHO1	3,26	94	Giỏi
209	1171020051	Tào Quỳnh	Trang	25/09/1999	DH07SHO1	3,0	86	Khá

STT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Điểm Học tập	Điểm Rèn luyện	Xếp Loại Học Bổng
210	1171030006	Trần Hải	Hưng	11/12/1999	DH07SLY1	3,24	97	Giỏi
211	1171030009	Phạm Thúy	Huỳnh	05/08/1999	DH07SLY1	3,18	80	Khá
212	1171010037	Tạ Thị Thanh	Huệ	28/12/1999	DH07STOA	3,05	85	Khá
213	1171010049	Thân Trọng	Lộc	26/10/1999	DH07STOA	3,47	92	Giỏi
214	1171010055	Võ Thị Thu	Nga	05/01/1999	DH07STOA	2,89	82	Khá
215	1171010059	Lê Thị Kim	Ngọc	12/01/1999	DH07STOA	3,32	92	Giỏi
216	1171010025	Huỳnh Thái	Duy	30/09/1999	DH07STOB	3,37	82	Giỏi
217	1171010072	Lê Hoàng	Quân	15/08/1999	DH07STOB	3,16	94	Khá
218	1171010074	Trần Nam	Son	30/10/1999	DH07STOB	3,68	90	Xuất sắc
219	1181020020	Trần Tường	Vi	13/07/2000	DH08SHO1	3,86	93	Xuất sắc
220	1181010031	Lương Thị Thu	Minh	10/06/2000	DH08STO1	3,0	89	Khá
221	1181010033	Nguyễn Minh	Ngọc	13/06/2000	DH08STO1	3,11	87	Khá
222	1181010045	Nguyễn Thị Thu	Thủy	28/02/2000	DH08STO1	3,0	94	Khá
223	1181010056	Trần Mạnh	Nguyên	04/01/2000	DH08STO1	3,16	87	Khá
224	2117220008	Nguyễn Thanh	Hùng	23/12/1999	CD42NKT1	3,11	96	Khá
225	2117220025	Nguyễn Thị Bích	Phụng	12/07/1999	CD42NKT1	3,79	83	Giỏi
226	2117220048	Vũ Trâm Phương	Uyên	12/10/1999	CD42NKT1	3,16	79	Khá
227	2117210009	Tăng Thị Thanh	Hiền	23/07/1999	CD42NQKD1	3,16	93	Khá
228	2117210017	Phạm Thị Thùy	Linh	16/01/1999	CD42NQKD1	3,84	95	Xuất sắc
229	2118220014	Nguyễn Ngọc Tú	Linh	20/02/1999	CD43NKT1	2,5	96	Khá
230	2118220023	Đặng Thị Ngọc	Phương	12/07/2000	CD43NKT1	2,85	84	Khá
231	2118220045	Văn Nguyễn Châu	Vy	16/03/2000	CD43NKT1	3,05	77	Khá
232	2118210005	Trần Minh	Chiến	23/10/1997	CD43NQKD1	3,0	89	Khá
233	2118210032	Mai Thị Tuyết	Ngân	10/07/1995	CD43NQKD1	3,7	91	Xuất sắc
234	2118210042	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	08/04/1999	CD43NQKD1	2,65	91	Khá
235	2118210067	Trần Hữu	Tuấn	20/09/1998	CD43NQKD1	3,6	94	Xuất sắc
236	1164010002	Vương Thị Ngọc	Anh	06/06/1998	DH06NKTA	3,69	90	Xuất sắc
237	1164010014	Nguyễn Thị Thùy	Dung	10/02/1998	DH06NKTA	3,56	89	Giỏi
238	1164010026	Hoàng Thị	Hà	20/10/1996	DH06NKTA	3,5	84	Giỏi
239	1164010028	Trịnh Thị Thu	Hà	25/12/1998	DH06NKTA	3,56	89	Giỏi
240	1164010037	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	25/01/1997	DH06NKTA	3,44	91	Giỏi

STT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Điểm Học tập	Điểm Rèn luyện	Xếp Loại Học Bổng
241	1164010041	Nguyễn Mai	Hương	29/11/1998	DH06NKTA	3,81	90	Xuất sắc
242	1164010058	Nguyễn Hồng	Lộc	18/12/1997	DH06NKTA	3,88	86	Giỏi
243	1164010060	Lý Đức	Mai	20/11/1998	DH06NKTA	3,69	90	Xuất sắc
244	1164010064	Ngô Thị Hồng	Nga	21/12/1994	DH06NKTA	3,88	86	Giỏi
245	1164020017	Trần Thị	Bình	16/10/1993	DH06NQKA	4,0	90	Xuất sắc
246	1164020064	Ngô Thị	Ngát	20/06/1998	DH06NQKB	3,82	92	Xuất sắc
247	1164020066	Lâm Thị Hoàng	Nhan	17/05/1997	DH06NQKB	3,65	96	Xuất sắc
248	1164020069	Bùi Thị Yến	Nhi	30/12/1998	DH06NQKB	3,65	96	Xuất sắc
249	1164020070	Trần Thị Minh	Như	22/03/1998	DH06NQKB	3,65	91	Xuất sắc
250	1164020118	Trần Thị	Khánh	10/02/1998	DH06NQKC	3,82	92	Xuất sắc
251	1164020122	Nguyễn Ngọc	Lan	11/09/1998	DH06NQKC	3,65	90	Xuất sắc
252	1164020126	Huỳnh Ngọc Khánh	Linh	10/03/1998	DH06NQKC	3,82	96	Xuất sắc
253	1164020127	Nguyễn Thị Kiều	Linh	01/02/1998	DH06NQKC	3,65	98	Xuất sắc
254	1164020158	Lai Thị Tường	Vy	14/11/1998	DH06NQKC	3,65	86	Giỏi
255	1174010026	Lê Thị Thúy	Hằng	30/09/1999	DH07NKTA	3,67	90	Xuất sắc
256	1174010037	Nguyễn Thị Bích	Hồng	08/12/1999	DH07NKTA	3,83	90	Xuất sắc
257	1174010053	Lê Thị Mỹ	Liều	20/02/1999	DH07NKTA	3,5	85	Giỏi
258	1174010142	Vũ Ngọc Thảo	Uyên	03/08/1999	DH07NKTA	3,5	82	Giỏi
259	1164010011	Nguyễn Anh	Đào	27/01/1993	DH07NKTB	3,56	98	Giỏi
260	1174010025	Nguyễn Ngọc Gia	Hân	10/09/1999	DH07NKTB	3,5	82	Giỏi
261	1174010028	Trịnh Thị	Hằng	17/11/1999	DH07NKTB	3,56	82	Giỏi
262	1174010045	Trịnh Thu	Huyền	06/04/1999	DH07NKTB	3,83	90	Xuất sắc
263	1174010080	Nguyễn Thị Hoài	Nhi	09/12/1999	DH07NKTB	3,56	85	Giỏi
264	1174010103	Phan Thị	Quỳnh	25/03/1999	DH07NKTB	3,44	97	Giỏi
265	1174010147	Đào Thị Thanh	Vân	08/11/1999	DH07NKTB	3,83	90	Xuất sắc
266	1174020023	Thạch Thị Xuân	Đào	03/01/1999	DH07NQKA	3,0	69	Khá
267	1174020041	Mai Thị Mỹ Lệ	Hằng	08/03/1999	DH07NQKA	3,0	99	Khá
268	1174020055	Thạch Thị	Hương	10/05/1999	DH07NQKA	3,2	92	Giỏi
269	1174020057	Nguyễn Bảo Gia	Huy	10/03/1999	DH07NQKA	3,0	73	Khá
270	1174020161	Trần Thị Ánh	Tuyết	16/02/1999	DH07NQKA	3,0	87	Khá
271	1174020175	Nguyễn Thị Hoàng	Yên	14/02/1999	DH07NQKA	3,6	81	Giỏi

STT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Điểm Học tập	Điểm Rèn luyện	Xếp Loại Học Bổng
272	1174020039	Lâm Khả	Hân	13/02/1999	DH07NQKB	3,6	91	Xuất sắc
273	1174020043	Vũ Đặng Minh	Hằng	13/06/1999	DH07NQKB	3,0	85	Khá
274	1174020045	Nguyễn Thị	Hạnh	04/10/1999	DH07NQKB	3,2	93	Giỏi
275	1174020051	Võ Thị	Hoa	15/07/1999	DH07NQKB	3,8	93	Xuất sắc
276	1174020118	Vũ Thị Phương	Thảo	23/04/1999	DH07NQKB	3,4	91	Giỏi
277	1174020134	Trần Thị	Thương	27/05/1999	DH07NQKB	3,4	90	Giỏi
278	1184010027	Vũ Lục Linh	Đan	27/09/2000	DH08NKTA	3,82	92	Xuất sắc
279	1184010046	Nguyễn Thị	Hiếu	16/04/2000	DH08NKTA	3,53	86	Giỏi
280	1184010049	Phan Thị Quỳnh	Hoa	05/02/2000	DH08NKTA	3,24	92	Giỏi
281	1184010139	Đinh Thị Hoài	Tú	07/10/2000	DH08NKTA	3,76	83	Giỏi
282	1184010145	Trần Thị	Thảo	26/08/2000	DH08NKTA	3,59	85	Giỏi
283	1184010165	Phan Thị Hoài	Thương	14/02/2000	DH08NKTA	3,41	88	Giỏi
284	1184010073	Nguyễn Văn	Linh	27/05/2000	DH08NKTB	3,24	96	Giỏi
285	1184010074	Nguyễn Trần Khánh	Linh	12/02/2000	DH08NKTB	3,24	99	Giỏi
286	1184010021	Nguyễn Thị	Dung	30/10/2000	DH08NKTC	3,29	96	Giỏi
287	1184010048	Đào Thanh	Hoa	15/10/2000	DH08NKTC	3,59	85	Giỏi
288	1184010120	Đỗ Thanh	Phương	09/06/2000	DH08NKTC	3,35	92	Giỏi
289	1184010150	Nguyễn Thị	Thu	07/11/2000	DH08NKTC	3,53	90	Giỏi
290	1184010164	Trần Thị Thùy	Thương	05/11/2000	DH08NKTC	3,53	85	Giỏi
291	1184010168	Tổng Thị Huyền	Trang	09/03/2000	DH08NKTC	4,0	90	Xuất sắc
292	1184020019	Trần Ngọc Minh	Châu	20/11/2000	DH08NQKA	3,12	84	Khá
293	1184020049	Hoàng Bích	Hằng	30/04/2000	DH08NQKA	2,88	75	Khá
294	1184020061	Nguyễn Thị Kim	Hồng	08/10/2000	DH08NQKA	2,94	80	Khá
295	1184020076	Ngô Kiều Phương	Lan	17/12/2000	DH08NQKA	2,88	80	Khá
296	1184020127	Trương Ngọc	Nhung	12/10/2000	DH08NQKA	3,71	87	Giỏi
297	1184020142	Phạm Thị Mai	Phương	21/05/2000	DH08NQKA	3,53	78	Khá
298	1184020154	Hà Gia	Quỳnh	20/08/2000	DH08NQKA	3,12	72	Khá
299	1184020208	Võ Ngọc Thùy	Trang	01/03/2000	DH08NQKA	2,82	75	Khá
300	1184020223	Nguyễn Khắc	Trương	01/01/2000	DH08NQKA	2,88	90	Khá
301	1184020017	Nguyễn Huy	Cường	17/09/1989	DH08NQKB	3,47	85	Giỏi
302	1184020035	Võ Thị Thùy	Duyên	08/02/2000	DH08NQKB	2,82	95	Khá

STT	MSSV	Họ Lót	Tên	Ngày Sinh	Lớp SV	Điểm Học tập	Điểm Rèn luyện	Xếp Loại Học Bổng
303	1184020173	Lê Vũ Thanh	Tú	15/07/2000	DH08NQKB	2,94	91	Khá
304	1184020220	Đỗ Thị Mai	Trình	31/01/2000	DH08NQKB	2,82	90	Khá
305	1184020230	Ngô Triệu	Vy	28/04/2000	DH08NQKB	2,82	87	Khá
306	1184020120	Nguyễn Uyên	Nhi	08/06/2000	DH08NQKC	3,47	87	Giỏi
307	1184020171	Nguyễn Đức Duy	Tín	10/02/2000	DH08NQKC	3,0	85	Khá

Danh sách bao gồm 307 sinh viên./



509